

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/KDTM-ST
Ngày: 07/8/2025
V/v Tranh chấp
hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thảo

Ông Nguyễn Thanh Cần

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 65/2025/TLST-KDTM ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH K

Địa chỉ: P, tầng F, Tòa nhà W số A P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Đình H, Chức vụ: Chuyên viên pháp chế; địa chỉ: P, tầng F, Tòa nhà W số A P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt

- Bị đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ: 5 đường T, tổ F, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Đức H1 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 13/3/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH K-K trình bày:

Công ty TNHH K (Sau đây gọi tắt là Công ty K) với Công ty TNHH S (Sau đây gọi tắt là Công ty S) ký Hợp đồng mua bán khí dầu mỏ lỏng bình 45 kg số 36/HĐMB/2024 ngày 01/02/2024. Quá trình hợp tác kinh doanh đến nay Công ty S còn nợ số tiền hàng mua gas chưa thanh toán cho Công ty K là 149.002.900 đồng theo Biên bản đối chiếu công nợ số 0008988 ngày 31/10/2024 được xác nhận của hai bên. Công ty K nhiều lần yêu cầu Công ty S thanh toán nợ nhưng Công ty S không thực hiện.

Do đó, Công ty K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

- Buộc Công ty S thanh toán số tiền 149.002.900 đồng.
- Buộc Công ty S trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/12/2024 đến ngày 07/8/2025 là 149.002.900 đồng x 8 tháng 07 ngày x 0,8%/tháng = 9.814.323 đồng.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Việc vắng mặt của bị đơn: Công ty TNHH S đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[2] Công ty K khởi kiện Công ty S yêu cầu thanh toán số tiền 149.002.900 đồng theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 08/10/2024 và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/12/2024 đến ngày 07/8/2025 là 149.002.900 đồng x 8 tháng 07 ngày x 0,8%/tháng = 9.814.323 đồng.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng kinh tế với Công ty S, Công ty K đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 20116 ngày 31/10/2024. Tại Biên bản xác minh ngày 29/7/2025 tại Thuế cơ sở 28 – Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: Công ty S có mã số thuế 0313666165 không có sử dụng Hóa đơn giá trị gia tăng số 20116 ngày 31/10/2024 để kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng tại Chi cục thuế khu vực T (Nay là thuế cơ sở 28 Thành phố Hồ Chí Minh). Tại Biên bản đối chiếu công nợ từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2024 Công ty S xác nhận còn nợ Công ty K gas số tiền là 149.002.900 đồng. Do đó, Công ty K yêu cầu Công ty S thanh toán số tiền 149.002.900 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về tiền lãi chậm thanh toán: Công ty K yêu cầu Công ty S thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán với lãi suất 0,8%/tháng (Tương đương 9,6%/năm). Hiện nay, mức lãi suất của Ngân hàng N từ 7%/năm đến 8,5%/năm, Ngân hàng Thương mại cổ phần T1 từ 10,9%/năm đến 11,1%/năm, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ là 11,76%/năm. Bình quân lãi suất của ba ngân hàng từ 9,88%/năm đến 10,45%. Do đó, Công ty K yêu cầu Công ty S thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 9,6%/năm là có cơ sở chấp nhận. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty K về việc buộc Công ty S có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi chậm trả từ ngày 01/12/2025 đến ngày 07/8/2025 là 149.002.900 đồng x 8 tháng 07 ngày x 0,8%/tháng = 9.814.323 đồng.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các điều 30, 35, 39, 147, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11, 24, 50, 55, 306 của Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K - K.

Công ty TNHH S có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH K - K số tiền nợ 149.002.900 (Một trăm bốn mươi chín triệu không trăm lẻ hai nghìn chín trăm) đồng và tiền lãi 9.814.323 đồng (Chín triệu tám trăm mười bốn nghìn ba trăm hai mươi ba) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu

tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH S phải chịu án phí sơ thẩm là 7.654.776 (Bảy triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu) đồng.

- Công ty TNHH S không phải chịu án phí. Trả lại cho Công ty TNHH S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.827.388 (Ba triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn, ba trăm tám mươi tám) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002529 ngày 24/4/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Tân UyênT, tỉnh Bình Dương (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh (để thi hành án);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Trúc